

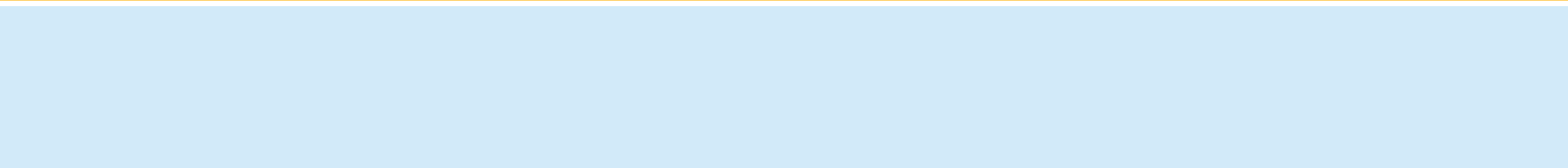
# BẢN TIN CẬP NHẬT THUẾ GTGT QUÝ 1 NĂM 2025

## Thông tin liên hệ

 50A Đường Tôn Thất Thuyết • Phường 18 • Quận 4 • Thành phố Hồ Chí Minh • Việt Nam

 (+84) 39 7973 168

 [kpm.info@kpm-as.com](mailto:kpm.info@kpm-as.com)



# CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ CẦN LƯU Ý



## 1. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)

7 ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG 2024 (SỐ 48/2024/QH15)

## 2. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

CÁC LƯU Ý KHI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP 2024

## 3. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)

CÁC LƯU Ý KHI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN 2024

# 7 ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT THUẾ GTGT 2024

- 1.1** Điều chỉnh đối tượng không chịu thuế GTGT
- 1.2** Sửa đổi quy định giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu
- 1.3** Bổ sung giá tính thuế đối với HHDV dùng để khuyến mại
- 1.4** Điều chỉnh thuế suất thuế giá trị gia tăng của một số HHDV
- 1.5** Bổ sung thêm một số đối tượng áp dụng thuế suất 0%
- 1.6** Thay đổi điều kiện khấu trừ thuế GTGT
- 1.7** Bổ sung thêm trường hợp hoàn thuế GTGT

# 1.1. ĐIỀU CHỈNH ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

## LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 48/2024/QH15

### LƯỢC BỎ một số đối tượng không chịu thuế GTGT:

- Phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ;
- Lưu ký chứng khoán; dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán hoặc TTGD chứng khoán; HĐKD chứng khoán khác...

### BỔ SUNG:

- Bổ sung hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ



### LƯU Ý:

"13/2008/QH12"	"48/2024/QH15"
- Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ <b>51%</b> giá thành sản phẩm trở lên thuộc <b>đối tượng KCT</b> .	- Sản phẩm xuất khẩu: tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác <b>không chịu thuế GTGT</b> (áp dụng theo Danh mục do Chính phủ quy định).



## 1.2. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH GIÁ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

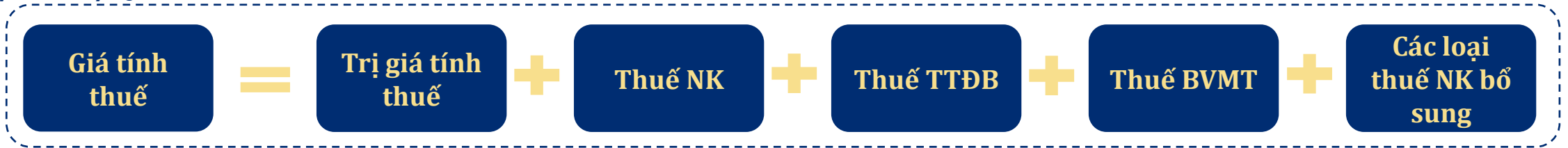
Quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu được đưa ra tại Điều 7 Luật Thuế GTGT:

"13/2008/QH12"	"48/2024/QH15"
b) Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có). <i>Lưu ý: Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.</i>	b) Đối với hàng hóa nhập khẩu là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có);

### 13/2008/QH12



### 48/2024/QH15



A decorative graphic in the top left corner features a light blue square partially overlapping a white square with a yellow border, which in turn overlaps a white square with a blue border.

## 1.3. BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ GIÁ TÍNH THUẾ ĐỐI VỚI HHDV KHUYẾN MẠI

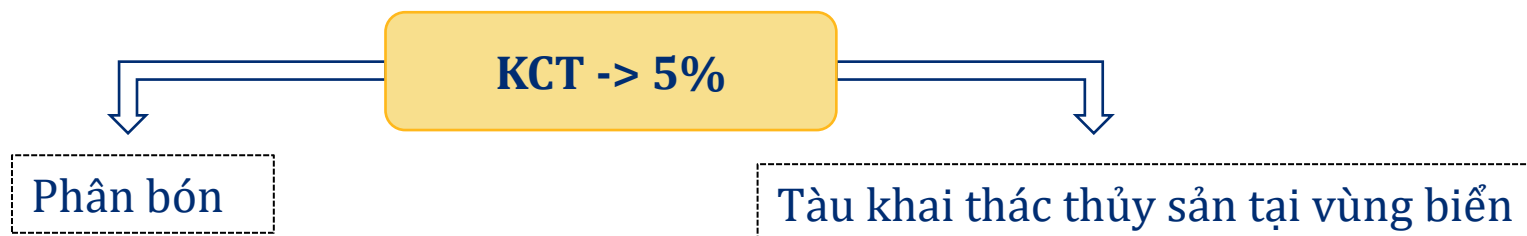
---

“Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024” bổ sung quy định: **Giá tính thuế** đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, **giá tính thuế** được xác định bằng 0.

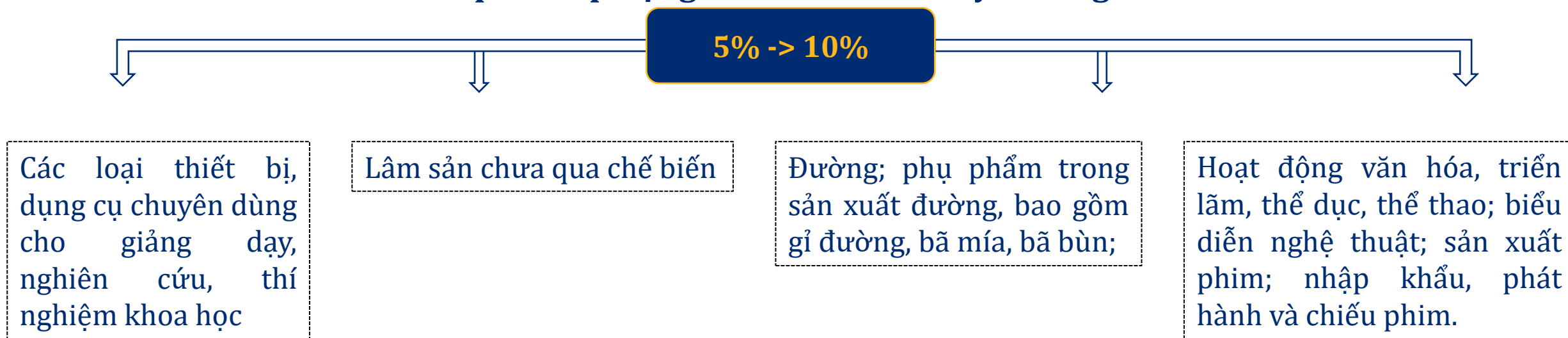


# 1.4. THAY ĐỔI THUẾ SUẤT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ HHDV

- Các sản phẩm KCT chuyển sang chịu thuế 5%:



- Các sản phẩm áp dụng thuế suất 5% chuyển sang 10%





## 1.5. BỔ SUNG THÊM MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG THUẾ SUẤT 0%



**Khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024** đã bổ sung thêm một số HHDV sẽ áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%, gồm:

- Vận tải quốc tế;
- Công trình xây dựng, lắp đặt ở nước ngoài, trong khu phi thuế quan;
- Hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế;
- Dịch vụ xuất khẩu gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế hoặc thông qua đại lý.



# 1.6. THAY ĐỔI ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG



Điều kiện khấu trừ thuế GTGT	
"13/2008/QH12"	"48/2024/QH15"
<b><i>(1) Mua vào hàng hóa, dịch vụ phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt</i></b>	
Hiện hành, hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng thì không cần có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để khấu trừ thuế GTGT theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng 2008.	Khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024, các HHDV mua vào đều phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ một số trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ.
<b><i>(2) Bổ sung một số chứng từ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào</i></b>	
Hiện hành Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 chưa có quy định về vấn đề này	Khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024, đối với HHDV xuất khẩu thì phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có); trừ một số trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.



## 1.7. BỔ SUNG THÊM TRƯỜNG HỢP HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG



### Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024:

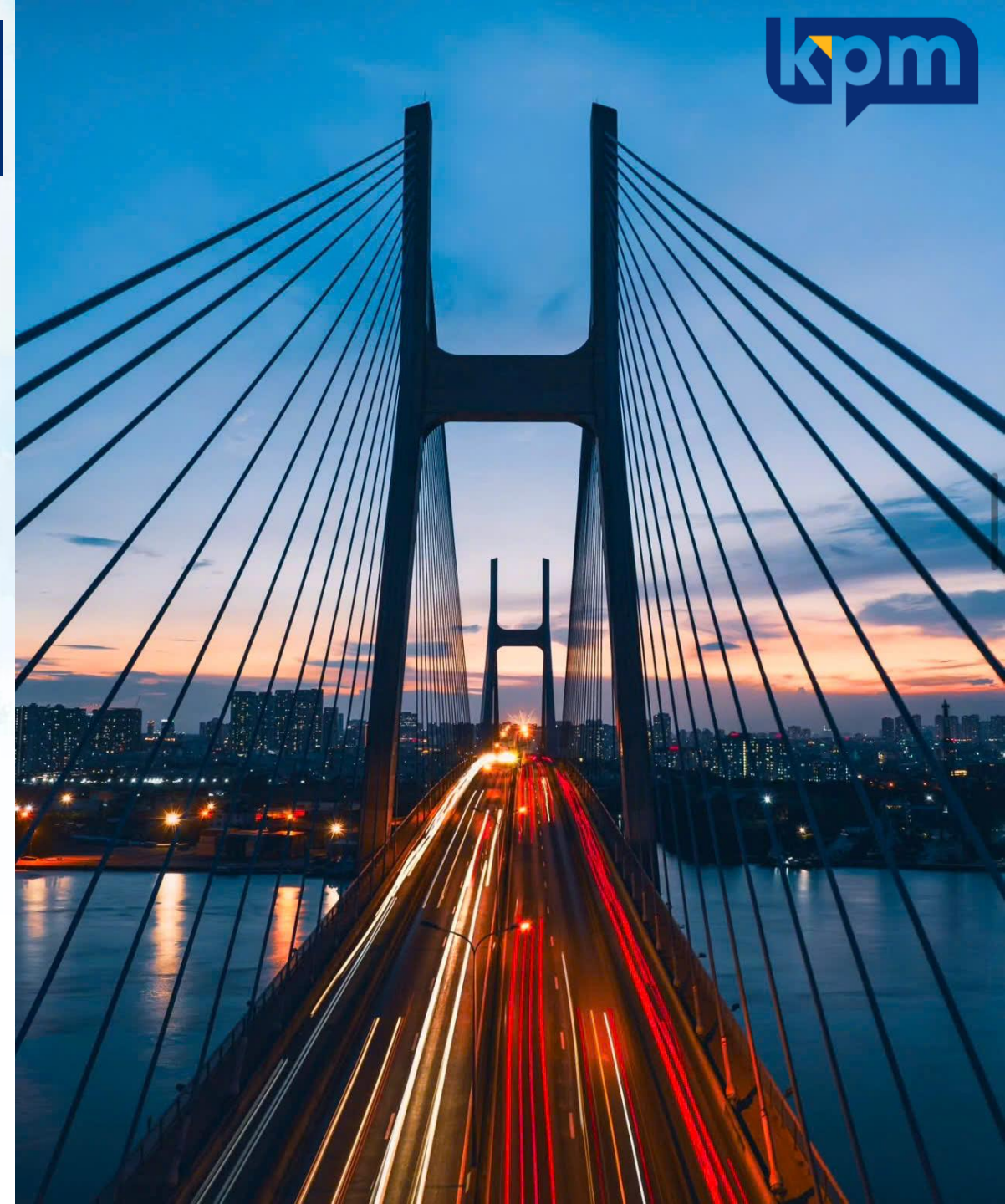
Cụ thể: Sẽ hoàn thuế giá trị tăng cho cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế GTGT.



## 2. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")



- 2.1 Cơ sở pháp lý
- 2.2 Hồ sơ quyết toán thuế TNDN
- 2.3 Thời hạn và phương thức nộp Hồ sơ
- 2.4 Nơi nộp thuế và phương thức thanh toán
- 2.5 Lưu ý quan trọng



## 2. QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)



### 2.1 CƠ SỞ PHÁP LÝ

Loại văn bản	Nội dung	Hiệu lực thi hành
<b>Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14</b>	Quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc NSNN	01/7/2020
<b>Nghị định 126/2020/NĐ-CP</b>	Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Thuế	5/12/2020
<b>Nghị định 132/2020/NĐ-CP</b>	Quy định về Quản lý Thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết	20/12/2020
<b>Thông tư 80/2021/TT-BTC</b>	Hướng dẫn Luật Quản lý Thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP	1/1/2022



## 2. QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)



### 2.2 HỒ SƠ QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

Tờ khai QTT TNDN “ 03/TNDN ” bao gồm:

- BCTC năm: Lợi nhuận kế toán trước thuế
- Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Phụ lục áp dụng đối với DN có GDLK
- Các phụ lục ưu đãi thuế TNDN
- Phụ lục chuyển lỗ

### 2.3 Thời hạn nộp Hồ sơ quyết toán thuế TNDN

Doanh nghiệp phải nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính. Đối với năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024, hạn chót nộp hồ sơ là ngày 31/3/2025.

### 2.3 Phương thức nộp hồ sơ

Doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan thuế quản lý.

STT	Mẫu/Phụ lục	Tên Mẫu/Phụ lục
1	03/TNDN	Tờ khai QTT TNDN
2	03-1A/TNDN	PL KQ HĐ SXKD (áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ, trừ công ty an ninh, quốc phòng)
3	03-1B/TNDN	PL KQ HĐ SXKD (áp dụng đối với ngành ngân hàng, tín dụng)
4	03-1C/TNDN	PL KQ HĐ SXKD (áp dụng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)
5	03-2/TNDN	Phụ lục chuyển lỗ (nếu có)
6	03-3A/TNDN	PL ưu đãi đối với thu nhập từ DAĐT mới, thu nhập của DN được hưởng ưu đãi thuế TNDN
7	03-3B/TNDN	PL ưu đãi đối với dự án đầu tư mở rộng
8	03-3C/TNDN	PL ưu đãi đối với DN SDLĐ là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động SX, XD, VT sử dụng nhiều LĐ nữ
9	03-3D/TNDN	PL ưu đãi đối với DN KHCN hoặc doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao
10	03-4/TNDN	PL thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài
11	03-5/TNDN	PL thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS
12	03-6/TNDN	PL báo cáo trích lập, sử dụng quỹ KH&CN
13	03-8/TNDN	PL bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các ĐP nơi được hưởng nguồn thu đối với CSSX
14	03-8A/TNDN	PL bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các ĐP nơi được hưởng nguồn thu đối với HĐCN BĐS
15	03-8B/TNDN	PL bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các ĐP nơi được hưởng nguồn thu đối với HĐSX thủy điện
16	03-8C/TNDN	PL bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các ĐP nơi được hưởng nguồn thu đối với HĐKD xổ số điện toán
17	03-9/TNDN	PL bảng kê chứng từ nộp tiền thuế TNDN tạm nộp của hoạt động CN BĐS thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm
18	BCTC	BCTC năm theo quy định của PL về kế toán và PL về kiểm toán độc lập (trừ trường hợp không phải lập BCTC theo quy định)
19	Khác	Trường hợp doanh nghiệp có DAĐT ở nước ngoài, ngoài các hồ sơ nêu trên, doanh nghiệp phải bổ sung các hồ sơ, tài liệu theo hướng dẫn của BTC về thuế TNDN.

## 2. QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)



### 2.4 Nơi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

- Doanh nghiệp nộp thuế TNDN **tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp** nơi đăng ký trụ sở chính.
- Nếu doanh nghiệp có **đơn vị phụ thuộc, chi nhánh** thì có thể phát sinh nghĩa vụ nộp thuế tại nhiều địa phương.

### 2.4 Hệ thống Kho bạc Nhà nước nhận tiền thuế

- Doanh nghiệp cần tra cứu thông tin tài khoản KBNN của tỉnh/thành phố nơi đăng ký thuế để chuyển khoản đúng địa chỉ.
- Doanh nghiệp lập Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước (mẫu C1-02/NS) và nộp tại KBNN nơi mở tài khoản.

### 2.4 Phương thức nộp thuế

- **Nộp trực tuyến** qua Cổng thông tin của Tổng cục Thuế hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia. (<https://thuedientu.gdt.gov.vn/>).
- **Nộp trực tiếp** tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại có liên kết với cơ quan thuế.
- **Chuyển khoản** từ tài khoản ngân hàng của doanh nghiệp vào tài khoản Kho bạc Nhà nước.

### 2.5 Lưu ý quan trọng

- Nộp thuế đúng hạn để tránh bị phạt chậm nộp (**mức phạt 0,03%/ngày trên số tiền chậm nộp**).
- Kiểm tra kỹ thông tin tài khoản ngân hàng của Kho bạc Nhà nước trước khi thực hiện giao dịch.
- Giữ lại chứng từ, biên lai nộp thuế để phục vụ công tác kiểm tra, quyết toán sau này.

## 3. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)

- 3.1 Thời hạn nộp Hồ sơ khai thuế
- 3.2 Xử phạt VPHC về nộp Hồ sơ quá hạn
- 3.3 Hồ sơ khai quyết toán thuế
- 3.4 Nơi nộp hồ sơ và quyết toán thuế
- 3.5 Các lưu ý khác





# 3. QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)



## 3.1 Thời hạn nộp HSKT TNCN và xử phạt VPHC về nộp HSKT quá hạn:

### ĐIỀU 44 LUẬT QLT 38/2019/QH14

- Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN: ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm
- Riêng cá nhân trực tiếp QTT TNCN, là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm (ngày 02/5 nếu không thuộc ngày nghỉ)

### Lưu ý khác:

### ĐIỀU 55 LUẬT QLT 38/2019/QH14

Trường hợp khai bổ sung HSKT, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp HSKT của kỳ tính thuế có sai, sót.

### KHOẢN 4 ĐIỀU 9 NĐ 125/2020/NĐ-CP

Không XP HVVP thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế TNCN chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn.

## 3.2 Xử phạt VPHC về nộp Hồ sơ quá hạn

### “ĐIỀU 13 NĐ 125/2020/NĐ-CP”

Lỗi vi phạm	Mức xử phạt
Quá thời hạn từ 1 – 5 ngày và có tình tiết giảm nhẹ.	Cảnh cáo
Quá thời hạn từ 1 – 30 ngày, (trừ trường hợp phạt cảnh cáo).	2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng
Quá thời hạn từ 31 – 60 ngày;	8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng
Quá thời hạn từ 61 – 91 ngày.	
Quá thời hạn từ 91 ngày trở lên nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;	
Không nộp HSKT nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;	
Không nộp các PL theo quy định về QLT đối với DN có GDLK kèm theo HS QTT TNDN.	

# 3. QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)



## 3.3 HSK QTT TNCN TỪ TIỀN LƯƠNG - TIỀN CÔNG

### TỜ KHAI:

Mẫu 05/QTT-TNCN => Tờ khai QTT TNCN ( áp dụng đối với Tổ chức, Cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công).

### PHỤ LỤC:

- **05-1/BK-QTT-TNCN** => Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần
- **05-2/BK-QTT-TNCN** => Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần
- **05-3/BK-QTT-TNCN** => Bảng kê chi tiết NPT giảm trừ gia cảnh

## THỦ TỤC, HỒ SƠ MIỄN GIẢM THUẾ THEO HIỆP ĐỊNH TRONG “ KHOẢN 2 ĐIỀU 62 & ĐIỀU 64 TT 80/2021/TT-BTC”

MẪU 01/HTQT & HỒ SƠ KÈM THEO (TRONG THỜI HẠN 15 NGÀY trước khi thực hiện HĐ)

CQT ban hành TB theo mẫu **03-1/MGTH** v/v NNT thuộc diện/ hoặc không thuộc diện miễn, giảm theo hiệp định trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. (trường hợp cần kiểm tra thực tế thì trong thời hạn **40 ngày**.)

### Lưu ý:

Xác định số thuế NNT được miễn, giảm trên HSKT được căn cứ theo TB theo mẫu 03-1/MGTH. (Trường hợp qua thanh, kiểm tra phát hiện NNT không thuộc diện miễn, giảm thì NNT phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định).



# 3. QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)



## 3.4 NƠI NỘP HỒ SƠ VÀ QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

NƠI NỘP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN		
1. QTT tại CQT Quản lý đơn vị chi trả thu nhập	2. QTT tại CCT Nơi cư trú (Thường trú hoặc tạm trú)	3. QTT tại CQT nơi có nguồn thu nhập lớn nhất trong năm “NĐ 126/2020/NĐ-CP”
Quyết toán tại CQT QL đơn vị trả thu nhập mà <b>Cá nhân đăng ký GTGC</b>	Trường hợp thay đổi nơi làm việc và Đơn vị chi trả cuối cùng không tính GTGC cho bản thân hoặc chưa tính GTGC cho bản thân ở bất cứ đơn vị chi trả nào  <b>=&gt; Nộp tại CCT nơi CN cư trú</b>	CN có thu nhập từ TL-TC tại hai nơi trở lên trong trường hợp vừa có thu nhập thuộc diện khai trực tiếp, vừa có thu nhập do tổ chức chi trả đã khấu trừ  <b>=&gt; Nộp HSKQTT tại CQT nơi có nguồn thu nhập lớn nhất trong năm</b>
Cá nhân thay đổi nơi làm việc và ĐK GTGC cho bản thân  <b>=&gt; QTT tại đơn vị chi trả cuối cùng</b>	CN cư trú trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một hay nhiều nơi nhưng tại thời điểm QTT không làm việc tại tổ chức, cá nhân trả TN nào  <b>=&gt; Nộp HSKQTT tại CQT nơi CN cư trú</b>	CN là Người nước ngoài kết thúc HĐLV tại VN  <b>=&gt; Thực hiện UQ cho tổ chức trả TN hoặc Tổ chức, cá nhân khác QTT theo quy định về QTT đối với cá nhân</b>
<b>Lưu ý:</b> - Tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác nhận ủy quyền quyết toán thì phải chịu trách nhiệm về số thuế TNCN phải nộp thêm hoặc được hoàn trả số thuế nộp thừa của cá nhân.		

